



Đẹp mãi với thời gian



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KOVA

Lô 3 - CN4, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

(+84) 24 3764 7750

(+84) 24 3764 8035

BẢNG CHẠO GIÁ SƠN TRANG TRÍ & SƠN PHỦ SÀN

(Áp dụng từ ngày 24/06/2019)

Mã số	Tên sản phẩm	Đơn giá (VNĐ)		Định mức m ² /thùng 20kg
		20 kg	4 kg	
Sơn nước trong nhà				
K109 - GOLD	Sơn lót kháng kiềm cao cấp trong nhà	1,631,000	355,000	100 - 120
K771 - GOLD	Sơn không bóng trong nhà	910,000	215,000	60 - 70
K260 - GOLD	Sơn không bóng trong nhà	1,098,000	245,000	60 - 70
K5500 - GOLD	Sơn bán bóng cao cấp trong nhà	2,378,000	500,000	90 - 100
K871 - GOLD	Sơn bóng cao cấp trong nhà	3,212,000	680,000	120 - 140
K10 - GOLD	Sơn trắng trần trong nhà	1,695,000	366,000	100-120
Sơn nước ngoài trời				
K209 - GOLD	Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài trời	2,678,000	583,000	100 - 110
K261 - GOLD	Sơn không bóng ngoài trời	1,428,000	315,000	80 - 90
K5501 - GOLD	Sơn không bóng cao cấp ngoài trời	2,242,000	485,000	100 - 110
K360 - GOLD	Sơn bóng cao cấp ngoài trời	4,376,000	918,000	120 - 140
CT 04T - GOLD	Sơn trang trí, chống thấm cao cấp ngoài trời	3,432,000	723,000	80 - 100
Ghi chú: Giá trên chỉ áp dụng cho sơn trắng, nếu khách hàng có yêu cầu pha màu thì phải tính thêm tiền màu.				
Sơn màu pha sẵn trong & ngoài nhà				
K180 - GOLD	Sơn màu pha sẵn trong nhà	898,000	206,000	60 - 65
K280 - GOLD	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu nhạt	1,322,000	286,000	80 - 90
K280 - GOLD	Sơn màu pha sẵn ngoài trời màu đậm	1,725,000	372,000	80 - 90
Sơn sàn thể thao, sàn công nghiệp				
CT 08 - GOLD	Sơn sân tennis, sàn thể thao đa năng màu trắng, xanh, đỏ (theo catalogue sân tennis, sân thể thao)	4,486,000	945,000	tùy bề mặt
CT 08 - GOLD	Sơn sân tennis, sàn thể thao đa năng màu (theo catalogue sơn trang trí)	5,165,000	1,078,000	tùy bề mặt
KL5T - GOLD	Sơn men bán bóng phủ sàn trong nhà chịu mài mòn	4,230,000	878,000	40 - 50
KL5T - GOLD	Sơn men bóng phủ sàn trong nhà chịu mài mòn	4,868,000	1,005,000	40 - 50
KL-5T-Aqua GOLD	Sơn lót chịu mài mòn	2,442,000	523,000	20 - 30
MT KL-5 Aqua GOLD	Matit KL-5 Aqua Gold	1,939,000	413,000	tùy bề mặt

Ghi chú: Đơn giá sản phẩm đã bao gồm 10% VAT



Đẹp mãi với thời gian

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI KOVA

Lô 3 - CN4, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

(+84) 24 3764 7750

(+84) 24 3764 8035

BẢNG CHÀO GIÁ MATÍT, CHỐNG THẤM & SƠN ĐẶC BIỆT

(Áp dụng từ ngày 24/06/2019)

Mã số	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Định mức m²/kg
Matít				
MTT - GOLD	Matit trong nhà	25 kg/th	400,000	1,2 - 1,4
MB- T	Bột bả trong nhà	25 kg/bao	275,000	0,8 - 1,0
MTN - GOLD	Matit ngoài trời	25 kg/th	503,000	1,2 - 1,4
MB-N	Bột bả ngoài trời	25 kg/bao	325,000	0,8 - 1,0
MT-KL5 GOLD mịn	Matit KL-5 hai thành phần chịu mài mòn (loại mịn)	25 kg/th	1,695,000	0,8 - 1,0
		5 kg/th	446,000	
MT-KL5 GOLD thô	Matit KL-5 hai thành phần chịu mài mòn (loại thô)	25 kg/th	1,576,000	0,8 - 1,0
		5 kg/th	413,000	
TNA - GOLD	Chất phủ đệm sân thể thao, sân Tennis	25 kg/th	1,092,000	tùy bề mặt
SK-6	Matit chịu ẩm ướt dùng cho sân Tennis, chân tường	20 kg/th	1,092,000	1,0 - 1,2
		4 kg/th	245,000	
Chống thấm sàn, mái, tường đứng, toilet, bể nước				
CT-11A GOLD	Chất chống thấm xi măng, bê tông	20 kg/th	2,976,000	tùy bề mặt
		04 kg/th	630,000	
		1kg/lon	183,000	
CT-11B GOLD	Phụ gia trộn vữa xi măng, bê tông	19 kg/th	1,766,000	tùy bề mặt
		3,8 kg/th	398,000	
CT-14	Chất chống thấm co giãn, chống áp lực ngược cho xi măng, bê tông	20 kg/th	2,693,000	tùy bề mặt
		04 kg/th	563,000	
Sơn chống nóng				
CN-05	Sơn chống nóng hệ nước	20 kg/th	2,568,000	3,0 - 3,5
		04 kg/th	513,000	
Sơn phủ bóng không màu trong suốt				
Clear N - GOLD	Sơn phủ bóng Clear ngoài trời	04 kg/th	798,000	10 - 12
		20 kg/th	3,819,000	
		1kg/lon	205,000	
Clear KL5 - GOLD	Sơn phủ bóng Clear chống thấm, chịu mài mòn	04 kg/th	1,528,000	0,8 - 1,0
		20 kg/th	7,490,000	

Sơn đặc biệt				
KGP	Sơn hạt (Mẫu theo Catalogue)	4kg	385,000	2,7 - 3,0
		20kg	1,826,000	
KSP - GOLD	Sơn giả đá vảy trung (Mã GĐ GOLD – 05, 06, 08, 12, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 31, 32, 34, 35, 36, 38, 39, 41, 42, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 57)	4kg	672,000	0,7 - 0,9
		20kg	3,232,000	
	Sơn giả đá vảy nhỏ (Mã GĐ GOLD – 01, 02, 03, 04, 07, 09, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 37, 40, 43, 56, 58, 59, 60)	4kg	489,000	0,9 - 1,1
		20kg	2,308,000	
Sơn Nhũ				
NT26	Sơn nhũ vàng chùa Thái Lan (gồm sơn nhũ, không bao gồm lót)	kg	418,000	

Ghi chú : Đơn giá sản phẩm đã bao gồm 10% VAT



BẢNG GIÁ MÀU KOVA

(Áp dụng từ ngày 24/06/2019)

STT	Mã màu mới trong cuốn Colorfan KOVA 1010 màu	Tương đương mã màu cũ	Đơn giá (VNĐ)	
			4 kg	20 kg
1	Mã màu đuôi OW		28,000	140,000
2	Mã màu AP1 đến AP22 bao gồm tất cả các ký tự cuối cùng từ 1 đến 6	Mã màu đuôi P	32,000	160,000
3	Mã màu AP23 đến AP152 có các ký tự cuối cùng là 1, 2, 6			
4	Mã màu AP23 đến AP 152 có các ký tự cuối cùng là 3, 5	Mã màu đuôi T	100,000	500,000
5	Mã màu AP23 đến AP152 có ký tự cuối cùng là 4	Mã màu đuôi D	120,000	600,000
6	Mã màu AP153 đến AP171 bao gồm các ký tự cuối cùng từ 1 đến 6	Mã màu đuôi A	150,000	750,000

Ghi chú : Đơn giá màu đã bao gồm 10% VAT